

CÁC THÀNH PHẦN CƠ BẢN TRONG KHUNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁNG VIÊN SƯ PHẠM VỚI YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Bounpone Keophengla¹

Tóm tắt. Để thực hiện tốt hoạt động phát triển đội ngũ giảng viên sư phạm, thì phát triển năng lực nghề nghiệp là một nhiệm vụ cơ bản trong nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Bài viết đề xuất những thành phần cơ bản trong khung năng lực của giảng viên sư phạm trong yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế của Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Từ khóa: *Khung năng lực, giảng viên sư phạm, đổi mới, giáo dục.*

1. Đặt vấn đề

Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, muốn đánh giá một chủ thể có năng lực nghề nghiệp thì cần đánh giá việc hoàn thành một nhiệm vụ, một tình huống nghề nghiệp thông qua những kỹ năng, thao tác mà chủ thể đó thực hiện trên thực tế. Năng lực nghề nghiệp là “khả năng thực hiện có hiệu quả một nghề, một chức năng hoặc một số nhiệm vụ chuyên biệt với sự thành thạo cần thiết”. Năng lực nghề nghiệp là những kiến thức, thái độ và kỹ năng chuyên môn rộng cần thiết để làm việc trong một khu vực chuyên ngành hoặc nghề nghiệp. Năng lực nghề nghiệp là sự tổng hợp những thuộc tính của cá nhân con người, đáp ứng những yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp và đảm bảo cho hoạt động nghề nghiệp đạt được những kết quả cao. Nếu không có sự tương ứng này thì con người không thể theo đuổi nghề được. Năng lực nghề nghiệp được coi là sự tích hợp giữa ba thành tố kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để hoàn thành được những công việc và nhiệm vụ trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

2. Các thành phần cơ bản trong khung năng lực nghề nghiệp của giảng viên sư phạm

2.1. Nhiệm vụ của giảng viên sư phạm

2.1.1. Nhiệm vụ của giảng viên

Nhiệm vụ và quyền của giảng viên nói chung được quy định tại Điều 55, Luật Giáo dục Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào:

1. Giảng dạy theo mục tiêu, chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ, có chất lượng chương trình đào tạo.

Ngày nhận bài: 17/10/2017. Ngày nhận đăng: 03/12/2017.

¹Bộ Giáo dục và Thể thao, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

2. Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, bảo đảm chất lượng đào tạo.
3. Định kỳ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy.
4. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của giảng viên.
5. Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người học.
6. Tham gia quản lý và giám sát cơ sở giáo dục đại học, tham gia công tác Đảng, Đoàn thể và các công tác khác.
7. Được ký hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.
8. Được bổ nhiệm chức danh của giảng viên, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú và được khen thưởng theo quy định của pháp luật.
9. Các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài 9 nhiệm vụ nêu trên, giảng viên phải thực hiện tốt thêm 5 nhiệm vụ cơ bản, như sau:

- Thứ nhất: Là chuyên gia về phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông, tổ chức và thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông một cách thiết thực, hiệu quả.
- Thứ hai: Là người hướng dẫn, tư vấn cho giáo viên phổ thông về phát triển chương trình giáo dục nhà trường, chương trình môn học, phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông.
- Thứ ba: Là người chia sẻ với giáo viên phổ thông các vấn đề về chuyên môn, học thuật và kiến thức hiện đại về khoa học giáo dục, để giáo viên phát triển chuyên môn, nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn.
- Thứ tư: Là người bạn đồng hành với giáo viên phổ thông trong quá trình đào tạo giáo viên theo yêu cầu của thực tiễn giáo dục phổ thông.
- Thứ 5: Là người phối hợp với giáo viên phổ thông trong tổ chức, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục và chuyển giao công nghệ cho các trường phổ thông và giáo viên thực hiện.

2.1.2. *Nhiệm vụ thực hiện nghề nghiệp của giảng viên sư phạm*

Nhiệm vụ thực hiện nghề nghiệp của giảng viên sư phạm có thể tóm tắt, như sau:

- + Giáo dục.
- + Dạy học.
- + Nghiên cứu khoa học.
- + Tham gia các hoạt động nghề nghiệp, xã hội.
- + Giữ gìn và phát huy phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp.
- + Học tập, bồi dưỡng đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp, phát triển giáo dục và đào tạo.

2.2. Các thành phần khung năng lực của giảng viên sư phạm

Trên cơ sở các nhiệm vụ được quy định và các yêu cầu về đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế, có thể nêu ra các thành phần về năng lực và phẩm chất của giảng viên sư phạm như sau:

2.2.1. Phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp

- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của giảng viên sư phạm.
- Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.
- Thái độ, đạo đức nghề nghiệp: có trách nhiệm về chuyên môn đối với người học hiện tại và sản phẩm tương lai (đào tạo người dạy học cho các cơ sở giáo dục và đào tạo).
- Thái độ, đạo đức công dân: thực hiện các nhiệm vụ và nghĩa vụ của công dân.

2.2.2. Năng lực chuyên môn nghề sư phạm

- Trình độ đào tạo: Đạt trình độ chuẩn đào tạo của giảng viên đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học;
- Kiến thức chuyên môn.
 - + Có kiến thức chuyên môn sâu rộng, khoa học; thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn và thông tin, kỹ thuật để nâng cao chất lượng dạy học và nghiên cứu khoa học.
 - + Có kiến thức liên môn, liên ngành; hiểu biết thực tiễn và khả năng liên hệ, vận dụng phù hợp vào hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học.
- Kỹ năng:
 - + Vận dụng kiến thức chuyên môn vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn nghề nghiệp.
 - + Thành thạo các kỹ năng của lĩnh vực chuyên môn và thường xuyên cập nhật các kỹ năng nghề nghiệp mới.

2.2.3. Năng lực dạy học và giáo dục của nghề sư phạm

- Am hiểu đối tượng dạy học và giáo dục: người học hiện tại và sản phẩm tương lai (đào tạo người dạy học cho các cơ sở giáo dục và đào tạo).
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục.
- Sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học.
- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học.
- Tham gia các quá trình, các hoạt động giáo dục người học.
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong dạy học, giáo dục.

2.2.4. Năng lực phát triển chương trình, tài liệu đào tạo ngành sư phạm

- Hiểu biết về quy trình, phương pháp phát triển chương trình đào tạo
- Xác định được đối tượng và nhu cầu đào tạo của giai đoạn
- Xây dựng, điều chỉnh và thực hiện chương trình đào tạo
- Biên soạn tài liệu đào tạo

2.2.5. *Năng lực nghiên cứu khoa học*

Một trong những nhiệm vụ của giảng viên SP là nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, phục vụ xã hội, góp phần thực hiện vai trò là trung tâm khoa học, công nghệ của địa phương và cả nước.

- Xây dựng và thực hiện thành công đề tài, dự án khoa học giáo dục, khoa học chuyên ngành; đánh giá kết quả nghiên cứu, chuyển giao kết quả nghiên cứu trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giáo dục học sinh, đăng tải được các kết quả nghiên cứu trên tạp chí quốc tế và tạp chí trong nước, tham gia hội thảo khoa học giáo dục, khoa học chuyên ngành; xuất bản được tài liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên;
- Lập kế hoạch nghiên cứu khoa học.
- Thực hiện thành công đề tài, nghiên cứu khoa học chuyên ngành và khoa học giáo dục.
- Công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học, tham gia báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước.
- Biên soạn, xuất bản tài liệu gắn với đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.
- Thực hiện chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục.
- Thực hiện đánh giá các hoạt động nghiên cứu khoa học.

2.2.6. *Năng lực quan hệ với các cơ sở giáo dục và đào tạo*

- Am hiểu về giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực tham gia đào tạo.
- Hướng dẫn, tư vấn cho giáo viên phổ thông, giáo viên dạy nghề về phát triển chương trình giáo dục nhà trường, chương trình môn học, phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.
- Bám sát giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp để cập nhật, phát hiện các vấn đề cần bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên.
- Tìm kiếm, xây dựng các mối quan hệ với giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp.
- Tổ chức thực hiện hoặc tham gia thực hiện các hoạt động hợp tác với các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp.

2.2.7. *Năng lực phát triển nghề nghiệp*

Năng lực phát triển nghề nghiệp là cơ sở quan trọng để thực hiện chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên SP, là cơ sở để phát triển các năng lực công tác, đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp cho bản thân, đồng nghiệp, đối tượng đào tạo.
- Tư vấn nghề nghiệp (chuyên môn, nghiệp vụ, việc làm, ...) cho đối tượng đào tạo.
- Có quan hệ thường xuyên với các cơ sở giáo dục và đào tạo (nơi sử dụng sản phẩm đào tạo, nhất là các cơ sở giáo dục phổ thông) để phát triển chuyên môn, nghề nghiệp.
- Có quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế để phát triển chuyên môn, nghề nghiệp.
- Cập nhật, đổi mới, sáng tạo trong phát triển nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0.

2.2.8. Năng lực bổ trợ

- Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong chuyên môn, nghề nghiệp.
- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong chuyên môn, nghề nghiệp.
- Năng lực giao tiếp với các đối tượng của nghề nghiệp.

Các thành tố này có mối quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ lẫn nhau.

3. Kết luận

Giảng viên là những nhà giáo giảng dạy ở các trường đại học có tiêu chuẩn, chức trách nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Nhà nước và những quy định đặc thù của từng trường. Giảng viên đại học sư phạm là những nhà giáo giảng dạy ở các khoa, bộ môn và trung tâm của các trường Đại học Sư phạm, các trường đại học có khoa sư phạm, có các chức năng, nhiệm vụ giáo dục, dạy học, nghiên cứu và phổ biến khoa học, tổ chức các hoạt động sư phạm trong đào tạo sinh viên sư phạm ở các chuyên ngành đào tạo.

Để có cơ sở thực hiện phát triển năng lực đội ngũ giáo viên Sư phạm, chúng tôi đã phân tích, đánh giá và nêu ra 06 thành phần cơ bản trong khung năng lực nghề nghiệp của giảng viên sư phạm với yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế. Đó là năng lực chuyên môn; năng lực giáo dục dạy học; năng lực nghiên cứu khoa học; năng lực phát triển nghề nghiệp; kỹ năng mềm và đạo đức phẩm chất nghề nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Luật Giáo dục Lào*, Nxb Thanh niên, Viêng Chăn, 2008.
- [2] Vụ cải cách hành chính Nhà nước, Bộ Nội vụ (2011), *Tim hiểu văn kiện Đại hội Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ IX năm 2011*, Nxb Quốc gia.
- [3] Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (2006), *Nghị quyết đại hội Đảng Lần thứ VIII, ngày 18 - 23 tháng 3 năm 2006*, Nxb Quốc gia Lào.
- [4] Bùi Minh Hiên (chủ biên), Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2006), *Quản Lý Giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Tình (2010), *Tính tích cực giảng dạy của giảng viên đại học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội
- [6] Phạm Xuân Hùng (2013), *Phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng giảng viên đại học tiếp cận khung năng lực*, Tạp chí Quản lý giáo dục, số 48.
- [7] Dự án Phát triển giáo dục đại học theo hướng nghề nghiệp ứng dụng ở Việt Nam (2014), *Chuẩn năng lực giảng viên giáo dục đại học định hướng nghề nghiệp*.

ABSTRACT

Basic components in the capacity framework of profession of pedagogy teachers with the requirements of educational reform and international integration of Laos PDR

In order to effectively implement the pedagogical management development activities, the development of professional competencies is a fundamental task in improving the quality of teaching staff. This article shows the basic components in the capacity framework of pedagogy teachers in the requirements of educational reform and international integration in Laos PDR.

Keywords: *Capacity framework, Pedagogy teachers, Change, Education.*